

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HẢI HẬU
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2022/HNGĐ-ST

Ngày 17-3-2022

V/v ly hôn, nuôi con chung giữa
chị T và anh H

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẢI HẬU, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thúy Nga.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lưu Văn Đề;

Ông Nguyễn Văn Hóa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Xuyên - Thư ký Toà án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

Ngày 17 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hải Hậu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 222/2021/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 12 năm 2021 về việc “Ly hôn, con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2022/QĐXXST - HNGĐ ngày 01 tháng 3 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2022/QĐST - HNGĐ ngày 08 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Mai Thị T, sinh năm 1975; HKTT: Tổ dân phố số 2, thị trấn Y, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định. Nơi ở hiện nay: Ấp 4, xã X, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai;

Bị đơn: Anh Lê Văn H, sinh năm 1971; địa chỉ: Tổ dân phố số 2, thị trấn Y, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa chị T xin vắng mặt; anh H vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 30-10-2021 và quá trình tham gia tố tụng tại Toà án, nguyên đơn chị Mai Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Mai Thị T và anh Lê Văn H đăng ký kết hôn ngày 21-11-1995 tại Ủy ban nhân dân thị trấn Y, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại tổ dân phố số 2, thị trấn Y. Năm 2009, vợ chồng cùng các con vào tỉnh Đồng Nai làm ăn kinh tế, vợ chồng chung sống hòa thuận đến năm 2016 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh H tính tình gia trưởng, thường áp đặt chị T và anh còn có những lời nói xúc phạm làm chị cảm thấy áp lực về cuộc sống chung. Anh H về Bắc sinh sống, vợ chồng đã sống ly thân từ

năm 2018 và chấm dứt mọi quan hệ tình cảm, trách nhiệm đối với nhau từ đó cho đến nay. Nay chị T nhận thấy tình cảm của chị đối với anh H không còn nên chị làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn anh H để vợ chồng giải phóng cho nhau.

Về con chung: Vợ chồng có ba con chung là Lê Mạnh Cường, sinh ngày 19-9-1996; Lê Yến Chinh, sinh ngày 17-12-2005 và Lê Mai Phương Thảo, sinh ngày 10-10-2007. Hiện nay cháu Cường đã trưởng thành và tự lao động nên chị T không yêu cầu giải quyết. Cháu Chinh hiện nay đang ở thị trấn Y, huyện Hải Hậu cùng bà ngoại, nhà mẹ đẻ chị T ở gần nhà của anh H chị T nhưng anh H thường xuyên đi làm xa nhà không trực tiếp chăm sóc cháu Chinh. Cháu Thảo hiện đang ở cùng chị T tại Đồng Nai. Khi ly hôn, ban đầu chị T có nguyện vọng tiếp tục nhận nuôi cháu Thảo và để anh H nuôi cháu Chinh, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án anh H không có ý kiến bằng văn bản với Tòa án về việc nhất trí nhận nuôi cháu Chinh, do đó chị T thay đổi nguyện vọng đề nghị nhận nuôi cả hai cháu Chinh và Thảo, việc cấp dưỡng do anh H tự nguyện, chị không yêu cầu.

Về tài sản và nghĩa vụ tài sản: Vợ chồng tự thỏa thuận về tài sản. Về công nợ, vợ chồng không vay nợ ai và không cho ai vay tài sản gì nên chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng như Thông báo thụ lý vụ án số 222/TB-TLVA ngày 29 tháng 12 năm 2022, bản sao đơn khởi kiện xin ly hôn của chị T và bản sao các tài liệu, chứng cứ chị T nộp cho Tòa án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Thông báo về việc không tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ được; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa cho anh H. Anh H đã biết được quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng đến nay anh H vẫn vắng mặt và không gửi cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện xin ly hôn, nuôi con chung của chị T.

Do hiện nay chị T đang làm việc tại tỉnh Đồng Nai nên không sắp xếp thời gian để tham gia phiên tòa được, chị T đề nghị xin được vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Quá trình giải quyết vụ án, anh Lê Văn H là bị đơn được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh H vẫn vắng mặt; Nguyên đơn chị Mai Thị T có đơn xin giải quyết vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị T, anh H là phù hợp với quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Quan hệ vợ chồng giữa chị Mai Thị T và anh Lê Văn H là quan hệ hôn nhân hợp pháp vì được xây dựng trên cơ sở tự nguyện và được Ủy ban nhân dân thị trấn Y, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định đăng ký kết

hôn ngày 21-11-1995. Vợ chồng sống hòa thuận đến 2016 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình anh H thường áp đặt đối với chị T và còn có những lời nói xúc phạm chị. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay. Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Mai Thị T đối với anh Lê Văn H thì thấy: Mâu thuẫn vợ chồng xuất phát từ tính tình, quan điểm sống của hai người không hợp nhau nên trong cuộc sống phát sinh những xích mích, va chạm, không có tiếng nói chung, dẫn đến việc anh H có những lời nói làm chị T cảm thấy chị bị xúc phạm. Từ đó vợ chồng đã sống ly thân, trong thời gian sống ly thân hai người không có biện pháp hóa giải mâu thuẫn để vợ chồng về chung sống đoàn tụ. Quá trình giải quyết vụ án, anh H đã biết việc chị T xin ly hôn nhưng không gửi văn bản ý kiến đến Tòa án, chứng tỏ bản thân anh H cũng không còn nguyện vọng chung sống với chị T. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T đối với anh H là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] *Về con chung*: Vợ chồng có ba con chung là Lê Mạnh Cường, sinh ngày 19-9-1996; Lê Yên Chinh, sinh ngày 17-12-2005 và Lê Mai Phương Thảo, sinh ngày 10-10-2007. Cháu Cường đã trưởng thành và tự lao động, chị T không yêu cầu giải quyết. Chị T đề nghị được nuôi cháu Chinh và cháu Lê Mai Phương Thảo, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con:

Xét điều kiện hoàn cảnh của hai bên hiện nay, nguyện vọng của chị T và các con thì thấy: Hiện tại cháu Chinh đang ở thị trấn Y, huyện Hải Hậu cùng bà ngoại, anh H thường đi làm xa, thỉnh thoảng mới về nhà; cháu Thảo đang ở cùng chị T tại tỉnh Đồng Nai. Nay ly hôn, do anh H không có ý kiến với Tòa án về nguyện vọng nuôi con nên chị T đề nghị được nhận nuôi cả cháu Chinh và cháu Thảo, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Cháu Chinh và cháu Thảo đều có nguyện vọng được ở với chị T. Về trách nhiệm cấp dưỡng: Chị T không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con cho chị, để anh H tự nguyện cấp dưỡng nên về trách nhiệm cấp dưỡng, Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, anh H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, bản sao đơn xin ly hôn của chị T, như vậy anh đã biết được nội dung yêu cầu và nguyện vọng nuôi con chung của chị T. Tuy nhiên, đến nay anh H không có ý kiến bằng văn bản với Tòa án về việc nuôi con chung. Do đó, cần giao cháu Chinh và cháu Thảo cho chị T nuôi dưỡng, chăm sóc, anh H không phải cấp dưỡng nuôi con cho chị T là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] *Về tài sản và nghĩa vụ tài sản chung*: Chị T, anh H không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[5] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Chị Mai Thị T phải nộp tiền án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1, khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Mai Thị T và anh Lê Văn H.
2. Về con chung: Giao cháu Lê Yến Chinh, sinh ngày 17-12-2005 và Lê Mai Phương Thảo, sinh ngày 10-10-2007 cho chị Mai Thị T nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi các con chung thành niên, có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi mình. Anh Lê Văn H không phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho chị T và được quyền thăm các con, không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm con để gây cản trở hoặc làm ảnh hưởng xấu đến việc nuôi dưỡng con.

3. Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Chị Mai Thị T phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tại biên lai số 0006045 ngày 29-12-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hải Hậu. Chị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lưu Văn Đê

Nguyễn Văn Hóa

Nơi nhận:

- Đường sự;
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND thị trấn Y;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thúy Nga